TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thế Thị Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm.

2. Bà Nguyễn Kim Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Ông Đỗ Thiện Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 163/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1984 (Có mặt).
Địa chỉ thường trú: Ấp S, xã T, huyện D, tỉnh B.
Địa chỉ tạm trú: Tổ 2, ấp K, xã A, thị xã B, tỉnh B.
- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1990 (Vắng).
Địa chỉ thường trú: Đường 2, tổ 6, ấp 2, số nhà 112, xã X, huyện X, tỉnh Đ.
Địa chỉ tạm trú: Tổ 2, ấp K, xã A, thị xã B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H và ông Nguyễn Văn H1 có đăng ký kết hôn ngày 31/8/2010 tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Đ, kết hôn tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì nảy sinh mâu thuẫn và không thể hàn gắn được. Vợ chồng luôn bất đồng quan điểm nhiều mặt trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã

nhau, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng không còn tình cảm với nhau, đã sống ly thân từ lâu và không còn quan tâm chăm sóc nhau, không còn hỗ trợ nhau trong công việc gia đình cũng như kinh tế. Hiện vợ chồng mâu thuẫn đã quá trầm trọng không thể tiếp tục hôn nhân, tình cảm của bà H với ông H1 đã hết nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông H1.

Về con chung: Bà H và ông H1 có 01 con chung là Nguyễn Hào N, sinh ngày 02/9/2010. Hiện con đang ở cùng với bà H đã ổn định. Bà H làm công nhân thu nhập mỗi tháng khoảng 9.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Bà có nhà cửa ổn định và có cha mẹ ở gần phụ giúp nên bà H đảm bảo điều kiện nuôi con, do đó, bà yêu cầu được nuôi con không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H1 đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát :

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật các bên tranh chấp là tranh chấp về ly hôn, nuôi con; bị đơn cư trú tại ấp K, xã A, thị xã B, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn H1 có đăng ký kết hôn vào ngày 31/8/2010 tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Đ. Hôn nhân tự nguyện, do đó hôn nhân giữa bà H và ông H1 là hợp pháp.

Bà H yêu cầu ly hôn với ông H1 vì vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì nảy sinh mâu thuẫn và không thể hàn gắn được. Vợ chồng luôn bất đồng quan điểm nhiều mặt trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã nhau, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng không còn tình cảm với nhau, đã sống ly thân từ lâu và không còn quan tâm chăm sóc nhau, không còn hỗ trợ nhau trong công việc gia đình cũng như kinh tế. Hiện vợ chồng mâu thuẫn đã quá trầm trọng không thể tiếp tục hôn nhân, tình cảm của bà H với ông H1 đã hết nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông H1.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông H1 đến tham gia hòa giải đoàn tụ, tham gia tố tụng cũng như tham gia phiên tòa nhưng ông H1 không tham gia và cũng không có văn bản trình bày ý kiến. Điều này cho thấy ông H1 không quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không muốn hàn gắn với bà H.

Như vậy, mâu thuẫn giữa bà H và ông H1 đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì hôn nhân, do đó yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ và được chấp nhận.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà H và ông H1 có 01 con chung là Nguyễn H1 Nam, sinh ngày 02/9/2010. Cháu Nam hiện do bà H nuôi dưỡng đã ổn định. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà H giao cháu Nam cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông H1 không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết và ông H1 cũng không có ý kiến gì vấn đề này nên không xem xét giải quyết.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu theo quy định pháp luật.

[4] Các đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H1 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con"; bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn H1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn H1 Nam, sinh ngày 02/9/2010 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông Nguyễn Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà H và ông H1 đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, ông H1 được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không xem xét giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số: AA/2021/0001804 ngày 01/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã X, huyện X, tỉnh Đ;
- Lưu: HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thế Thị Ngọc Anh